

VIỆC DÙNG BÙA CỦA NGƯỜI VIỆT HIỆN NAY

Tóm tắt: Ở Việt Nam, hầu hết các dân tộc đều làm bùa và dùng bùa. Cho dù cuộc sống hiện đại cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật nhưng bùa chú vẫn giữ một vị trí quan trọng trong đời sống cá nhân, gia đình, cộng đồng và nó được ví như tấm thẻ “bảo hiểm” thân thể với chức năng an ủi tâm lý, tránh được rủi ro, cầu an và may mắn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc làm bùa và sử dụng bùa đúng cách sẽ mang lại sự an ủi về mặt tâm lý, niềm vui trong cuộc sống. Trái lại, dùng bùa không đúng quy tắc chẳng những không mang lại được lợi ích mà còn gây phải nhiều hệ lụy cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

Từ khóa: Người Việt, tôn giáo, sử dụng bùa.

1. Dẫn nhập

Bùa chú được sản sinh từ “ma thuật” nguyên thủy từ khi con người còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, nhưng đã cảm nhận được mối quan hệ biện chứng giữa tự nhiên với con người; giữa người làm bùa với người sử dụng. Trước đây, việc dùng bùa thường chỉ diễn ra khi làng có dịch bệnh, hạn hán, lũ lụt hay cá nhân, gia đình gặp rủi ro. Ngày nay, bùa được sử dụng ngày càng nhiều, với kỹ thuật in bùa bằng lưới, máy vi tính theo kiểu sản xuất hàng loạt thay cho các pháp sư vẽ bùa bằng tay hay in bằng mộc bản như trước đây. Nhiều giả thiết được đặt ra, phải chăng do nền kinh tế thị trường mở rộng và hội nhập quốc tế, con người phải đối mặt với nhiều thách thức: công việc quá tải, khó tìm kiếm việc làm theo đúng sở trường; ghen ghét, đố kỵ nhau; bất an về sức khỏe do ảnh hưởng ăn uống thực phẩm bẩn dẫn đến nhiều bệnh tật; ô nhiễm môi trường; tai nạn giao thông ngày càng gia tăng; cộng với chính sách tự do tôn giáo của nhà nước nên bùa được sử dụng nhiều trong đời sống xã hội và nó trở thành vật “hộ mệnh” để cầu mong sức khỏe, bình an, may mắn cho cá nhân, gia

* TS., Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

đình, cộng đồng? Nhà nghiên cứu nhân học tôn giáo Malinowski đưa ra lời nhận xét: “Không có một dân tộc nào, cho dù nguyên thủy đến đâu, mà không có tôn giáo và ma thuật. Cũng phải bổ sung thêm rằng, không có một chủng tộc dù mông muội đến mức nào mà lại không có quan điểm khoa học cũng như khoa học, cho dù ai ai cũng coi là họ chẳng hiểu biết gì về những vấn đề này. Trong mỗi cộng đồng nguyên thủy đã được những nhà quan sát đáng tin cậy và đầy tài năng nghiên cứu, có hai phạm trù được phân chia rõ ràng: “cái thiêng” và “cái tục” hay nói cách khác, một bên là phạm trù của ma thuật và tôn giáo, và bên kia là phạm trù của khoa học” (Malinowski, 1925: 17).

Hiện nay, khoa học kỹ thuật rất phát triển nhưng bùa chú vẫn tồn tại trong đời sống dân gian cả ở nông thôn lẫn thành thị với nhiều hình thức. Mấy năm gần đây diễn ra hiện tượng chen lấn, xô đẩy để sớm xin được lá ấn ở đền Trần (Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa) với hy vọng phù trợ đường quan lộc (<http://vnexpress.net>). Xét về bản chất của bùa, ngoài chức năng an ủi tâm lý, cổ kết cộng đồng, giáo dục con người hướng thiện,... nó còn bao hàm cả về giá trị văn hóa, lịch sử, tôn giáo và sự thừa nhận của xã hội. Tuy nhiên, việc dùng bùa hiện nay đang bị thái quá, dẫn đến nhiều hệ lụy cho bản thân, gia đình và cộng đồng. Năm 2001-2002, trong dự án hợp tác nghiên cứu về *Đời sống tâm linh hiện vật* với Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Hoa Kỳ về các hiện vật liên quan đến tôn giáo của các dân tộc Việt Nam và những năm gần đây (2009-2016), chúng tôi tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu về thực hành ma thuật của các pháp sư người Việt ở Bắc Bộ. Trong các lần đi thực địa tại các tỉnh, chúng tôi được gặp nhiều thầy cúng, pháp sư, tăng sư, ông đồng, bà đồng và người dùng bùa. Những cuộc phỏng vấn sâu với đối tượng nghiên cứu đã cho thấy, không phải tất cả những người thực hành tôn giáo đều làm được bùa mặc dù họ có thể học được từ đồng nghiệp của mình; đồng thời, việc làm và dùng bùa phải đúng cách thì mới mang lại hiệu quả như mong muốn và ngược lại.

Cho đến nay, một số công trình nghiên cứu về bùa chú của các dân tộc trên thế giới đã được xuất bản bằng tiếng Anh, Pháp, Thái Lan, Trung Quốc,... dưới góc độ tiếp cận về thực hành ma thuật. Ở Việt Nam, trong công trình nghiên cứu *Bùa chú và tôn giáo Việt Nam*, tác giả Paul Giran tiếp cận dưới góc độ dân tộc học tôn giáo đã giới thiệu

về các nghi thức làm bùa (Paul Giran, 1912: 81-100); *Phù thuật Việt Nam* của Lê Văn Lân (Việt kiều Mỹ) viết dưới góc độ hồi cố lịch sử kể về những câu chuyện dùng bùa của người nông dân Bắc Bộ trước năm 1945 (Lê Văn Lân, 2008); *Đời sống tâm linh của chiếc ván in bùa trần trạch* (Vũ Hồng Thuật, 2008^a); *Amulets and the Marketplace* (Vũ Hồng Thuật, 2008^b) tiếp cận dưới góc độ nhân học bảo tàng; *Nghiên cứu so sánh văn hóa bùa chú của người Kinh hai nước Việt - Trung*, tiếp cận dưới góc độ nhân học tôn giáo (Vũ Hồng Thuật, 2013); *Bùa chú trong đời sống tâm linh người Việt*, kể về câu chuyện người dân nông xã Ngũ Kiện, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc dùng bùa trong đời sống xã hội đương đại (Trương Thị Thúy Hà, 2015). Nhìn chung, các tác giả đều có sự đánh giá và nhìn nhận về công năng của bùa chú và xem nó như là một hiện tượng văn hóa, xã hội.

Năm 1995, chúng tôi bắt đầu nghiên cứu bùa trong đời sống văn hóa của người Việt dưới góc độ nhân học bảo tàng để tìm hiểu về đời sống tâm linh của nó diễn ra như thế nào trong đời sống cộng đồng; ý nghĩa và quyền năng; quy trình làm bùa của pháp sư và cách thức sử dụng bùa của người dân. Từ đó, chúng tôi nhận diện, bùa chú là một hiện tượng văn hóa xã hội, nó có một đời sống tâm linh riêng và mang tính “bí truyền”. Để giải quyết vấn đề nghiên cứu nêu trên, chúng tôi áp dụng lý thuyết “quyền lực” của nhà nhân học tôn giáo Trung Quốc (Hoàng Thế Kiệt, 2004). Khái niệm “quyền lực” ở đây không phải là quyền lực quan phương của nhà nước mà là “quyền lực” của những người hành nghề tôn giáo. Tác giả vận dụng lý thuyết này trong mối tương quan với các pháp sư làm bùa và họ có khả năng tạo ra được công năng nhất định cho lá bùa khi nó được dùng trong đời sống xã hội; đồng thời, các pháp sư cũng là người biết giải thiêng lá bùa cho hết linh nghiệm sau khi không còn sử dụng nữa. Mục đích của việc vận dụng lý thuyết “quyền lực” là tái khẳng định, chỉ có những pháp sư hội đủ 10 điều kiện¹ của giáo luật Đạo giáo và sư phụ quy định thì mới có thể làm thiêng và giải thiêng được lá bùa, chứ không phải tất cả những người hành nghề tôn giáo đều có thể làm được việc này. Lý thuyết này cũng được thao tác để làm nổi bật vấn đề nghiên cứu về hệ biểu trưng tâm linh trong lá bùa đối với đời sống cá nhân, gia đình, cộng đồng; từ đó, thức tỉnh người làm và dùng bùa phải cho đúng

cách. Ngoài ra, chúng tôi cũng áp dụng phương pháp nghiên cứu nhân học bảo tàng, với quan điểm là đưa giọng nói của chủ thể văn hóa vào trong bài viết và thay đổi tên của người cung cấp tin để giữ bí mật cho họ, còn tên địa danh thì giữ nguyên. Chúng tôi nghĩ rằng, trong thời đại ngày nay, với công nghệ kỹ thuật số, mạng xã hội ngày càng phát triển và cả sự nhạy cảm về tôn giáo, nghề nghiệp của các pháp sư làm bùa còn quan trọng hơn cả niềm khát khao khoa học của nhà nghiên cứu khi muốn biết mọi thứ về bùa, về họ. Điều này cũng đồng quan điểm với nhà nhân học Anita He đã chỉ giáo “tính tò mò của nhà nhân học cũng phải có giới hạn” (Anita, 1994).

2. Những vấn đề cơ bản của bùa chú

2.1. Nguồn gốc và tên gọi bùa chú

Theo sách “Đạo giáo đồ văn bách khoa” của Trung Quốc, bùa được bắt nguồn từ Đạo giáo dân gian Trung Quốc, do Trương Tiên Sư (Trương Đạo Lăng) sáng lập vào năm 141 tại tỉnh Tứ Xuyên (Lý Lục Dã, 2009: 80) và nó được truyền vào Việt Nam dưới thời Bắc thuộc. Sau khi Đạo giáo du nhập đã có sự dung hòa với tôn giáo bản địa, từ đó hình thành nên một số môn phái mới về bùa mang đậm bản sắc văn hóa Việt, như: phái Phù Đồng Thiên Viên, Tản Viên Sơn Thánh, Đức Thánh Trần, Chử Đồng Tử, thần Độc Cước, Nội Đạo Tràn và bên cạnh đó còn có cả bùa chú của Phật giáo, Tam - Tứ phủ,... Nhìn chung, mỗi môn phái đều có cách thức làm bùa khác nhau, theo kiểu “thầy nào bùa nấy”².

Các pháp sư, đạo sĩ, thầy phù thủy ở Trung Quốc và Việt Nam thường gọi bùa theo Hán - Việt là phù chú, phù lục, phù văn, phù ấn, thần phù, linh phù,... Theo từ điển Hán - Việt, từ “phù” có nghĩa là phù tiết, binh phù, dấu hiệu, bùa hộ mệnh để cầu an, trừ tà ma; từ “chú” nghĩa là thần chú, bùa chú, niệm thần chú cho lá bùa trở nên linh thiêng, hiệu nghiệm (Phan Văn Các, 2008: 462,1839). Để cho lá bùa linh ứng thì phải căn cứ vào câu niệm chú của pháp sư đọc lên. Vì vậy, “bùa” và “chú” có mối quan hệ mật thiết với nhau. Do đặc tính, trong “phù” có “chú” và trong “chú” có “phù” nên cả hai từ này, khi du nhập vào nước ta được gọi là *bùa*. Ngải có thân cây cùng họ với gừng, hoa màu vàng, trắng, củ dùng làm thuốc; thuốc có phép mê hoặc người khác nên người Việt cũng quen gọi là *bùa ngải*. Trong

công trình nghiên cứu của mình, nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Hinh giải thích: “Phù chú là một hiện tượng vu thuật đã có ghi chép trong Thượng Thư và trong Chu Lễ, có chức quan tư vu. Phù vốn là vật làm tin như bình phù chia làm hai mảnh khi ghép lại mới có hiệu lực điều binh khiển tướng. Vu thuật dùng nó với tư cách mệnh lệnh sai khiến quỷ thần. Từ chú hay chúc có nghĩa là lời văn đọc khi làm bùa và dùng bùa” (Nguyễn Duy Hinh, 2003: 74).

2.2. Cách thức làm và sử dụng bùa đúng cách

Để làm được một lá bùa có tính linh nghiệm, mang lại lợi ích cho người dùng thì các pháp sư làm bùa ngoài hội đủ 10 điều kiện nêu trên, họ còn phải có pháp khí³, dụng cụ⁴, nguyên liệu làm bùa⁵ và thực hiện nghiêm giới luật, các điều cấm kỵ trong sinh hoạt, ăn uống⁶. Đây là những nguyên tắc bắt buộc với cả những pháp sư làm “bùa trắng” và “bùa đen”. “Bùa trắng” là những loại bùa dùng để phòng ngừa những ảnh hưởng xấu từ bên ngoài tác động tới bên trong nhằm bảo vệ cho bản thân (bùa hộ thân, trấn trạch, cầu an,...) hay biến cái xấu thành cái tốt (bùa công danh, buôn bán, chăn nuôi, sinh đẻ và nuôi con, hôn nhân, học hành, buôn bán, công danh,...), nó được làm công khai, đúng giáo luật và được xã hội thừa nhận. “Bùa đen” là những loại bùa mà các pháp sư thường dùng phép thuật mang tính “ma thuật tiếp xúc” và “ma thuật lây lan” để biến cái có lợi thành cái bất lợi, với mục đích triệt hại chỉ vì ghen ghét, đố kỵ với nhau,... Loại bùa này, thường làm “kín” chỉ có người làm bùa và người thuê được biết về công năng của nó nên bị giáo luật nghiêm cấm lưu hành và bị các pháp sư, xã hội lên án. Vũ Thế Khanh chia sẻ: “Nếu ai đó chủ tâm hại người khác bằng bùa ngải thì do họ chưa ý thức được hết những hậu quả mà họ gây ra cho người bị hại và cho chính cả họ nữa” (<http://www.nguoiduatin.vn>). Trong quá trình đi điền dã, nhiều pháp sư nói với tôi rằng, tùy theo nội dung yêu cầu của người dùng bùa mà họ chọn ngày giờ tốt để làm bùa, chứ không phải ngày giờ nào cũng làm được bùa. Ngày kỵ làm bùa là ngày Giáp Tý, Canh Thân của hàng tháng và ngày “tứ ly”⁷, “tứ tuyệt”⁸ trong năm. Nếu pháp sư nào làm bùa vào những ngày này không những bị vi phạm vào các điều cấm kỵ của giáo luật quy định mà còn bị thánh thần, tổ sư quở phạt và lá bùa làm ra cũng không có tính linh nghiệm.

Trước khi vẽ bùa, pháp sư phải tắm rửa sạch sẽ, thắp hương ở bàn thờ tổ sư và nơi nuôi “âm binh - âm tướng” rồi lấy pháp khí, dụng cụ, nguyên liệu và ngồi vào hướng⁹ để vẽ bùa. Đặc biệt, khi sử dụng dụng cụ, nguyên liệu, pháp khí, pháp sư đều phải đọc các câu niệm chú.

Quy tắc vẽ hình bùa, viết chữ Hán phải theo hàng dọc từ trên xuống dưới; từ trái qua phải; từ ngoài vào trong và điểm tâm “cốt bùa” ở giữa rồi khóa chân bùa lại, nó cũng giống như cơ thể của con người¹⁰. Khi thực hành, pháp sư vừa vẽ bùa, viết chữ Hán vừa phải niệm chú. Nếu vẽ hay viết xong chữ Hán mà đọc câu chú chưa xong hoặc đọc câu chú xong rồi mà vẽ hình, viết chữ Hán chưa hoàn tất thì lá bùa sẽ không có hiệu nghiệm, phải làm lại lá bùa theo quy trình từ đầu. Những chữ Hán, hình vẽ “tróc phọc”, nét vạch ngoằn ngoè trên lá bùa đều có tính quy tắc, nó vừa mang nét riêng của môn phái vừa mang tính biểu tượng chung của phép thuật, nên nó đã thoát khỏi sự tầm thường và thông tục của một tờ giấy hay vải bình thường để trở thành một lá bùa có tính ma thuật (Paul Giran, 1912: 83).

Sau khi công việc hoàn tất, pháp sư đóng dấu triện lên lá bùa và thực hiện nghi thức làm thiêng lá bùa, tục gọi là *tổng phù*, tại trước ban thờ tổ sư bùa chú¹¹. Pháp sư Võ Văn Đẩu (98 tuổi, Hải Phòng) chia sẻ: “Phù mà không có chú và ấn triện thì chẳng khác nào đi cày không có trâu, tức lá bùa không có tính linh nghiệm. Ấn đóng trên lá bùa, không chỉ thể hiện chức sắc, quyền phép mà còn là hiệu lệnh của pháp sư điều khiển thánh thần, “âm binh - âm tướng” thực thi nhiệm vụ để cho đối tượng dùng bùa đạt được mục đích”.

Nhiều vị pháp sư và người dân nói với chúng tôi, bùa chú cũng có một đời sống tâm linh và công năng nhất định, nếu như người làm và người sử dụng bùa đúng cách. Tôi có người đồng hương, năm 2012 học xong đại học, anh xin việc làm ở Hà Nội gặp rất nhiều khó khăn. Sau 2 năm tốt nghiệp (2014), anh vẫn chưa xin được việc làm theo chuyên ngành được đào tạo. Để duy trì cuộc sống, anh phải lăm lộn làm nhiều việc để sống. Năm 2015, anh bạn tôi về quê ăn Tết cùng gia đình, được bạn bè rủ đi đến một vị pháp sư ở huyện Triệu Sơn (Thanh Hóa) xin lá bùa cầu may đầu năm. Anh đặt 100 ngàn đồng lên trên điện thờ của pháp sư, thay cho việc mua đồ lễ dâng cúng, với hy vọng xin được việc làm theo đúng chuyên ngành đào tạo.

Sau những lời chỉ dẫn của pháp sư về việc dùng bùa đúng cách và những điều kiêng kỵ khi dùng bùa, anh đã làm theo đúng như lời pháp sư. Tháng 6 năm 2015, người bạn tôi đã xin được việc làm tại Hà Nội theo đúng chuyên ngành. Anh tâm sự: “Tôi mất rất nhiều thời gian và tiền bạc để đi xin việc nhưng đều không có kết quả. Lần này, mình có “nhân duyên” với Phật Thánh, chỉ mất có ít tiền mà xin được việc làm, sao mình không tin vào công hiệu của lá bùa được”. Để đánh giá thực hư tính linh nghiệm của lá bùa ra sao, thiết nghĩ chỉ có người làm và dùng bùa mới biết; với tôi thì chỉ cảm nhận được bùa cũng có chức năng an ủi về mặt tâm lý, niềm tin, tôn giáo, giáo dục và văn hóa với người sử dụng, nó cũng giống như tấm thẻ “bảo hiểm” thân thể con người mang theo bên mình để tránh được những rủi ro trong cuộc sống.

Nhận diện một cách bao quát, bên trong mỗi lá bùa đều có một mạch “nước ngầm”, đó chính là tính thiêng của lá bùa do người làm bùa tạo nên thông qua các câu niệm chú và các hình thức ma thuật trong nghi lễ. Ví dụ, trong bùa trị bệnh, có nhiều người bị ốm đau, tinh thần mê sảng, các nhà y học cổ truyền cho rằng, do mất cân bằng âm dương bên trong cơ thể con người. Tuy nhiên, gia đình đưa bệnh nhân đến khám bệnh tại các chuyên khoa thì các bác sĩ khám không ra bệnh, sức khỏe vẫn bình thường, nhưng họ trở về nhà thì lại bị ốm đau. Sau khi gia đình mời pháp sư đến nhà làm lễ, cho đeo bùa trên người thì họ khỏi bệnh (Vũ Hồng Thuật, 2015: 406). Có một điều khá thú vị về mối quan hệ giữa bùa chú với sức khỏe con người vẫn còn rất ít người để ý nghiên cứu. Nếu xét theo cấu trúc của lá bùa nó cũng giống như một cơ thể con người. Nhà nhân học tôn giáo Trung Quốc cho rằng: “Bùa chú tồn tại trong đời sống hiện nay là do mong muốn của người dân dựa vào hiệu lực của sức mạnh tâm linh thông qua những thực hành nghi lễ mang tính “ma thuật tiếp xúc” và “ma thuật lây lan” cùng với các câu niệm chú vào lá bùa, phần nào sẽ giúp cho con người trấn an được tâm lý để vượt qua những trở ngại trong cuộc sống, ốm đau; từ đó họ sẽ vững tin hơn vào trong cuộc sống, chiến thắng được bệnh tật, vượt qua được trở ngại, khó khăn” (Hoàng Thế Kiệt, 2004: 58).

Để sử dụng bùa đúng cách thì mỗi cá nhân, gia đình *chỉ nên dùng một loại bùa do một pháp sư làm và cất giữ những nơi thanh tịnh*;

không nên dùng hai loại bùa trên người hay trong nhà sẽ dẫn đến hiện tượng “xung đột” về mặt tâm linh, có thể mang lại hiệu quả không tốt cho cá nhân, gia đình. Nếu người dùng bùa không muốn sử dụng lá bùa ấy nữa thì nhất thiết phải mời pháp sư làm bùa cho mình đến nhà làm lễ giải thiêng, hay vào ngày rằm, mùng một hàng tháng, 30 Tết mang hóa (đốt) lá bùa, lấy tro thả xuống sông, hồ có nước sạch, chứ không được vứt bỏ lung tung, nó rất nguy hiểm, pháp sư Nguyễn Hà C. (Hà Nội) chia sẻ.

3.3. Những hệ lụy từ việc dùng bùa không đúng cách

Thực tế cho thấy, tuy đời sống kinh tế, khoa học công nghệ phát triển và nhận thức của con người về thế giới siêu nhiên cũng đã thay đổi nhiều so với trước đây, nhưng không phải vì thế mà niềm tin của người Việt vào tôn giáo, bùa chú bị nhạt phai mà ngược lại, nó được sử dụng tương đối phổ biến với cá nhân, gia đình, cộng đồng ở cả nông thôn lẫn thành thị với mọi lứa tuổi, nghề nghiệp. Cảm nhận tính thiêng hay không linh nghiệm của lá bùa thì chỉ có pháp sư và người dùng bùa mới biết.

Năm 2012, trong đợt triển khai nghiên cứu về bùa của ngư dân Đồ Sơn (Hải Phòng), có trường hợp cửa chính ra vào nhà bà V.T.V có sử dụng 4 loại bùa: gương soi, đinh nhọn 3 chạc để trừ ma quỷ (theo tập tục dân gian của ngư dân ven biển), bùa trấn trạch của Đạo giáo với ý nghĩa giữ cho ngôi nhà được yên ổn và dán 5 lá bùa “yểm trùng” trong tang lễ của người thân mới an táng để linh hồn họ không về “bắt người” thân chết theo. Sau một thời gian dùng bùa, bà V. thấy có nhiều biểu hiện bất thường: chăn nuôi gia súc, gia cầm hay bị dịch bệnh, làm nghề biển thua lỗ, dịch vụ du lịch không được thuận lợi,... Nghe theo sự mách bảo của người quen, bà V. đến chùa Dur Hàng (Hải Phòng) gặp Thượng tọa ở đó nhờ xem gia đình có dấu hiệu bị “trùng tang” nữa hay không? Hôm ấy, tôi cùng bà V. đến chùa Dur Hàng, chúng tôi chứng kiến một cảnh tượng hết sức kinh ngạc và không sao giải thích được là hồn chồng bà V. (đã chết) nhập vào bà nói về việc pháp sư yểm bùa trấn trùng ở trong quan tài, ngoài mộ và trong nhà, nên có nhiều loại bùa cùng tồn tại dẫn đến “xung đột” khiến mọi người hay bị ốm đau; “âm binh - âm tướng” trấn yểm ở trong nhà, ngoài vườn, cửa cổng không có ai cúng lễ nên nó bắt gia súc, gia cầm để ăn thịt (bị

chết). “Mày” nhanh mời tăng sư về nhà cúng lễ để “giải thiêng” các lá bùa đó đi thì mới được yên ổn. Một tuần sau, chủ nhà mời Thượng tọa trên đến làm lễ “giải thiêng” các lá bùa nêu trên, bằng cách cúng lễ, đọc niệm chú, bắt quyết rồi lấy các lá bùa mang đi đốt, lấy tro mang thả xuống biển. Một tháng sau, tôi trở lại thăm gia đình bà V., bà vui vẻ chia sẻ: Hiện gia đình đã được yên ổn. Tôi lâu nay có quan tâm đến chuyện tâm linh gì đâu, ai bảo sao cứ nghe theo làm vậy”.

Ngoài ra, chúng tôi cũng có quen một pháp sư ở phường Mai Dịch (Hà Nội) mới vào nghề làm bùa tên là H., cứ nghe ai giới thiệu có pháp sư nào làm bùa giỏi là đi đến nghiên cứu và xin bùa để trải nghiệm để xem thực hư về tính màu nhiệm của nó để “tâm sư học đạo”. Trong gia đình thầy H. có dùng 4 loại bùa, thuộc các môn phái khác nhau. Năm 2004, thầy H. đến nhà pháp sư Đỗ Văn T. ở Nam Định xin lá bùa trấn trạch thuộc môn phái “Chính nhất đạo” về dán trên ngàm cửa chính ra vào của ngôi nhà và thầy H. cảm nhận được sự linh nghiệm của lá bùa, trong năm gia đình đạt được một số ước nguyện. Ngày 14 tháng Giêng năm Mậu Tý (2008), thầy H. đi dự lễ Khai ấn đền Trần (Nam Định) tiếp tục xin phù ấn Đức Thánh Trần và một lá bùa trấn trạch về treo ở bên cạnh lá bùa cũ, với ý nguyện cầu may. Tháng 3 năm 2010, thầy H. cùng tôi đi về huyện Lý Nhân (Hà Nam) dự lễ hầu đồng của một thanh đồng vừa làm thầy bói vừa làm pháp sư để tìm hiểu về Shaman giáo của nghi thức “xiên lênh” trong lễ hầu đồng giá hầu Đức Thánh Trần. Khi thực hiện giá hầu này, đồng thầy Nguyễn Văn A. thực hiện nghi thức Shaman giáo, bằng cách dùng một thanh sắt nhọn đầu xiên vào má và dùng dao lam rạch lười lấy huyết để làm “dầu mặn”, sau đó thắp vào tờ giấy bản chia cho các con nhang đệ tử mang theo người để hộ thân, trừ ma quỷ, cầu an,... Thầy H. thấy vậy cũng dâng lễ và xin bùa. Sau một thời gian sử dụng 4 loại bùa khác nhau, thầy H. cảm thấy trong gia đình đã xảy ra nhiều chuyện.

Có lần tôi và thầy H. đến đền mẫu Chèm (xã Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội) hành hương, văn cảnh, nghiên cứu thì bất ngờ vị thủ đền bị Đức Thánh Trần “nhập đồng” và nói cho thầy H. biết: Nhà ngươi (chỉ vào thầy H.) sao lại dùng nhiều loại bùa trong nhà như vậy để cho các “âm binh - âm tướng” của các môn phái đánh nhau à? Vận hạn nhà “ngươi” sắp đến rồi đó, nhanh về nhà mà tháo bỏ hết các đạo

bùa rồi mang hóa nó đi. Thầy H. trở về nhà liền tháo dỡ lá bùa trần trạch của pháp sư Đỗ Văn T. làm vào năm 2004, với lý do đã cũ; còn lá bùa ấn Đức Thánh Trần và bùa trần trạch xin ở đền Trần (năm 2008) cùng với lá bùa “đầu mận” (xin năm 2010) để trong ví mang theo người thì vẫn giữ nguyên. Đến ngày 15 cùng tháng, chúng tôi trở lại đền mẫu Chèm để lấy thêm một số thông tin tư liệu cho bài viết thì Đức Thánh Trần bỗng “nhập đồng” vào thủ đền và nói: “Nhà người lại muốn thử phép của nhà Thánh hả? Sao không hóa hết các đạo bùa đi mà vẫn còn giữ lại, muốn chết phải không?”. Ngay tối hôm ấy, thầy H. đi ra đường tông phai xe máy đi ngược chiều, người bị trầy xước trên da, xe bị vỡ gương. Sáng ngày hôm sau, thầy H. thực hiện ngay nghi thức cúng giải thiêng các lá bùa. Thầy H. tâm sự: “Tôi làm thầy còn chưa hiểu hết được tâm linh và sức mạnh của thế giới vô hình nên làm sai mới bị quở phạt như vậy”.

3.4. Thực trạng bùa chú hiện nay

Theo chân khách hành hương cùng người đi lễ tại các di tích đền Trần, Phủ Dầy (Nam Định), Phủ Na, Độc Cước, Cô Tiên (Thanh Hóa), Kiếp Bạc, Quan Tuân Tranh (Hải Dương), Đức Thánh Tạng (Quảng Ninh), Đền Sái, Đền Gióng, Huyền Thiên Trấn Vũ, Phủ Tây Hồ, Chùa Hương, Chùa Thầy (Hà Nội),... chúng tôi thấy có nhiều người bán bùa hộ thân, cầu an, công danh, may mắn theo kiểu bán hàng rong hoặc bày bán bùa trần trạch, gương bát quái ở các cửa hàng dịch vụ tôn giáo tại di tích ngày càng nhiều. Chỉ bằng mắt thường, cũng nhận thức được những lá bùa sản xuất theo kiểu hàng loạt như vậy đều không đạt yêu cầu về mặt tâm linh, bởi vì những lá bùa bị ánh nắng mặt trời chiếu vào; có nhiều người thân tâm không thanh tịnh sờ vào để lựa chọn mua các lá bùa; các lá bùa không được làm thiêng trước khi đưa cho người sử dụng; nhiều người mua bùa hộ thân, cầu an, công danh cho luôn vào ví tiền rồi để vào túi quần phía sau và đi vào WC công cộng; thậm chí có một số người chúng tôi quen biết, trên người họ luôn mang bùa Đức Thánh Trần, bùa Phật giáo (Úm ma ni bát minh hồng) nhưng vẫn đi đến các quán “đền đồ” tìm các năng khiếu để giải trí,...

Nếu chiếu theo giáo luật của Đạo giáo quy định, tất cả những hình thức mua bán, sử dụng bùa nêu trên đều không đúng cách nên nó

không có tính linh nghiệm. Pháp sư Bùi Đức H. (Hà Nội) chia sẻ: “Với những lá bùa không qua nghi lễ làm thiêng, đóng ấn, niệm chú thì nó chỉ có chức năng an ủi về mặt tâm lý chứ không có chức năng của ma thuật nên không có tính linh nghiệm. Để lá bùa có tính thiêng, ngoài quy trình vẽ, chọn hướng, ngày giờ tốt, niệm chú, bắt quyết và thực hiện nghi lễ làm thiêng lá bùa, các pháp sư còn phải thực hiện một số nghi thức mang tính ma thuật vào lúc 12 giờ đêm ở ngoài sân thì lá bùa mới có hiệu nghiệm”.

Kết quả điều tra khảo sát cho thấy, hiện nay không phải pháp sư nào cũng làm bùa đúng cách giống như lời chia sẻ của pháp sư H., mà đa phần, họ làm rất sơ sài, thậm chí làm bùa vào cả ban ngày, ngày cấm kỵ làm bùa; vẽ bùa ngay cả khi có phụ nữ ngồi bên cạnh; thầy pháp vừa vẽ bùa vừa nói chuyện; bùa vẽ xong không thực hiện nghi lễ làm thiêng mà chỉ đóng dấu rồi đưa cho người sử dụng kèm với vài lời căn dặn qua loa về cách thức sử dụng và kiêng kỵ trong sinh hoạt, ăn uống. Những pháp sư tâm huyết với nghề nói với chúng tôi rằng, “bùa làm như vậy chỉ có đem về nhà mà nhóm bếp, chẳng có tác dụng gì, tiền mất tật mang”.

4. Bản chất của bùa chú và cảnh báo

Trong xã hội đương đại, bên cạnh một số thực hành nghi lễ của pháp sư, thầy cúng, ông đồng, bà đồng mang tính ma thuật bị mai một vì chúng không còn ý nghĩa trong cuộc sống nữa (Nguyễn Thị Hiền, 2015) nhưng vẫn còn tồn tại một số hình thức ma thuật liên quan đến bùa chú, trừ tà, trị bệnh, cầu an... diễn ra tại các cơ sở thờ tự tư nhân và cộng đồng. Trong bối cảnh bất ổn về mọi mặt của đời sống xã hội đương đại luôn bủa vây con người có thể xảy ra bất cứ lúc nào thì yếu tố tôn giáo “lại trở thành một cứu cánh mạnh mẽ và trong chừng mực nào đó lại giúp ích cho người hiện đại rất nhiều” (Lê Hồng Lý, 2006: 196). Họ đến nhà các pháp sư để xin bùa với hy vọng giảm được những bất trắc, rủi ro và đón nhận được nhiều điều tốt lành trong cuộc sống; đồng thời, bùa chú cũng được sử dụng như một tấm thẻ “bảo hiểm” mang tính vô hình của thần linh luôn đi theo bên người hay bên trong ngôi nhà của mình, cùng song hành với sự phát triển của kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo và tiến bộ của khoa học kỹ thuật thời hiện đại.

Nếu xem bùa chú dưới góc độ khoa học kiểm chứng thì khó có được một kết quả chính xác, cho nên mọi người thường vẫn có quan điểm, bùa chú là “trò bịp bợm”, “mê tín”... Nhà văn Nga Lev Tolstoy từng viết trong cuốn sách nghiên cứu tôn giáo của mình: “Tâm linh không lấy khoa học làm bệ thờ và khoa học cũng không lấy tâm linh làm cứu cánh cho khoa học. Nhưng con người thì cần cả hai thứ đó” (<http://danviet.vn>). Việc thực hư về tính linh nghiệm của lá bùa như thế nào đều phụ thuộc vào người làm và sử dụng bùa đúng cách và ngược lại. Việc áp dụng lý thuyết “quyền lực” trong bài nghiên cứu này là phù hợp và để tái khẳng định: không phải tất cả những người thực hành tôn giáo đều có thể làm và giải thiêng được bùa mà chỉ có những vị pháp sư hội đủ 10 điều kiện của giáo luật Đạo giáo và sự phụ quy định thì mới có khả năng làm được bùa có tính linh nghiệm. Đồng thời, thông qua những câu chuyện có thực về cách thức làm - dùng bùa đúng cách, không đúng cách đã cho thấy, bùa chú cũng có một đời sống tâm linh riêng. Bởi vậy, nhiều pháp sư tâm huyết với nghề đã thức tỉnh với tôi rằng: *Bùa chú như con dao hai lưỡi: dùng cẩn thận kéo bị đứt tay./.*

CHÚ THÍCH:

- 1 Mười điều kiện gồm: người có “căn duyên”; trải qua nghi lễ nhập đạo; lễ cấp sắc; có điện thờ và ban thờ tổ sư bùa chú; tinh thông chữ Hán; biết đọc các câu niệm chú; biết vẽ bùa; biết nuôi và điều khiển “âm binh - âm tướng”; có pháp khí và tuân thủ nghiêm giới luật, các điều kiêng kỵ.
- 2 Mỗi môn phái có phép thuật làm bùa riêng. Khi đệ tử chọn sự phụ để nhập môn phải tuân thủ theo giới luật của môn phái quy định là không cho người ngoại đạo biết về “bí truyền” làm bùa của môn phái mình.
- 3 Pháp khí: 5 lá cờ ngũ sắc, dùng để xua đuổi tà ma khi cần làm phép thuật cho một người bị quỷ ám hoặc dùng điều khiển “âm binh - âm tướng” đi trấn yểm một địa điểm nào đó; kiếm, kéo, roi mây, thiên bồng xích dùng để trục xuất những con tà; nhạc cụ dùng cử hành nghi lễ và làm cho ma quỷ sợ mà tránh xa người bệnh; đồng tiền “xin âm dương” để giao tiếp với thần linh.
- 4 Dụng cụ: nghiên, mực, bút lông, nước thanh thủy, hương, đèn dầu hoặc nến
- 5 Nguyên liệu: giấy, vải, động vật (chó đen, ngũ độc trùng, cá chép, nhái, lươn, trạch), thực vật (cây dâu, đào, dưa đại, ngải), đá, đất, chu sa, gương bát quái, chìa sắt và một số bộ phận trên cơ thể con người (tóc, móng tay)...
- 6 Kiêng kỵ: Không quan hệ vợ chồng, đi dự đám ma trước 1 ngày làm bùa, kiêng ăn thịt chó, mèo, rắn, mắm tôm, tỏi; không đi cúi đầu qua dây phơi quần áo của phụ nữ.
- 7 Ngày “tứ ly”, tức trước 1 ngày xuân phân, hạ chí, thu phân và đông chí.
- 8 Ngày “tứ tuyệt” là những ngày trong lịch vạn niên có ghi trục phá, trục đế, nguyệt thực và trước 1 ngày lập xuân, lập hạ, lập thu, lập đông.

- 9 Nếu vẽ bùa vào tháng 1, 5, 9 âm lịch thì người ngồi vẽ bùa phải xoay mặt về hướng Tây; tháng 2, 6, 10 xoay mặt hướng Nam; tháng 3, 7, 11 xoay mặt hướng Đông; tháng 4, 8, 12 xoay mặt hướng Bắc.
- 10 Cấu trúc của lá bùa giống như cơ thể của con người: trán bùa ghi 3 chữ Phật, Pháp, Tăng hoặc chữ “sắc lệnh” tượng trưng cho thủ (đầu); bên dưới trán bùa có vẽ 02 hình “tróc phọc”, tượng trưng cho 2 tay; bên dưới chữ “trán” vẽ 02 hình “tróc phọc” tượng trưng cho 2 chân; ở giữa là “cốt bùa” thường viết nội dung, chức năng của lá bùa, tượng trưng cho các bộ phận ngũ tạng của con người.
- 11 Ban thờ tổ sư bùa chú, gồm: tượng Thái Thượng Lão Quân ngồi ở giữa, hai bên là tượng Đức Thánh Trần và thần Độc Cước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alfred Gell (1998), “Technology and Magic”, *Anthropology Today*, Vol. 4, No. 2: 6-9.
2. Anita (1994) “Museums and shamans: across-cultural collaboration”, *Anthropology Today*, Vol. 10, No.1, February: 2-5.
3. Phan Kế Bính (2005), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. Phan Văn Các (2008), *Từ điển Hán - Việt*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Lý Lục Dã (2008), *Đạo giáo đồ văn bách khoa*, Nxb. Đại học Sư phạm Thiểm Tây, Trung Quốc.
6. Nguyễn Dũng, Nguyễn Thiêm, “Âm binh yểm bùa” nhìn dưới góc độ khoa học, tại: <http://danviet.vn/cong-nghe/am-binh-yem-bua-nhin-duoi-goc-do-khoa-hoc-513530.html>.
7. Faith and Healing, Can spirituality promote health? Doctors are finding some surprising evidence?
8. Trương Thị Thúy Hà (2015), *Bùa chú trong đời sống tâm linh người Việt* (Nghiên cứu trường hợp xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc), luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Dân tộc học, Khoa Nhân học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
9. Nguyễn Thị Hiền (2015), “Ma thuật: Nhận diện và trong nghiên cứu nhân học”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
10. Nguyễn Duy Hình (2003), *Người Việt Nam với Đạo giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2006), *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Tạp chí Xưa và Nay & Nxb. Đà Nẵng.
12. Diêu Châu Huy (2003), *Ma thuật thần bí*, Nxb. Nhân dân, Quảng Tây.
13. Kendall, Laurel (2007), *Các phương pháp tiếp cận nhân học về tôn giáo, nghi lễ và ma thuật*, Bài giảng tổ chức tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam tháng 9/2007.
14. Hoàng Thế Kiệt (2004), *Con sâu đục: Áo giáp của quyền lực và tiền bạc*, Nxb. Dân tộc Quảng Tây, Nam Ninh, Trung Quốc.
15. Lê Văn Lân (2009), *Phù thuật Việt Nam*, Nxb. Nam Việt, Mỹ.
16. Lê Hồng Lý (2006), “Những hoạt động lễ hội tín ngưỡng của người Việt trong đổi mới kinh tế hiện nay”, trong *Giá trị và tính đa dạng của Folklore Châu Á trong quá trình hội nhập*, Ngô Đức Thịnh (chủ biên), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
17. Malinowski, Bronislaw (1925), *Magic, Science and Religion (Ma thuật, khoa học và tôn giáo)*, Illinois: Waveland Press, Inc.
18. Lưu Hữu Minh (2003), *Khái quát bùa chú Trung Quốc*, Nxb. Văn hóa nghệ thuật châu Á.

19. Paul Giran (1912), *Bùa chú và tôn giáo Việt Nam*, Nxb. Hải Quân thuộc địa.
20. Cao Quốc Phiên (1990), *Bước đầu tìm hiểu dân tộc lưu truyền dân tộc và cổ tục Đôn Hoàng*, Nxb. Đại học Hà Hải, tái bản lần 2.
21. Hoàng Phương, *Ấn đền Trần không có giá trị phù trợ đường quan lộc*, tại <http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/an-den-tran-khong-co-gia-tri-phu-tro-duong-quan-loc-3359695.html>
22. Vũ Hồng Thuật (2008^a), “Đời sống tâm linh của chiếc ván in bùa trần trạch”, trong *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
23. Vũ Hồng Thuật (2008^b), “Amulets and the Marketplace”, *Asian Ethnology*, Vol. 67, No.2/2008: 237-255.
24. Vũ Hồng Thuật (2011), “Bước đầu tìm hiểu các loại hình bùa chú của người Việt” trong *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, tập 7, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. Vũ Hồng Thuật (2013), *Nghiên cứu so sánh văn hóa bùa chú của người Kinh hai nước Việt - Trung*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Dân tộc học, Viện Dân tộc học trường đại học Văn Nam, Trung Quốc, tháng 6.
26. Vũ Hồng Thuật (2015), “Câu chuyện làm mo của người Thái miền Tây Nghệ An”, trong *Cộng đồng Thái - Ka dai Việt Nam những vấn đề phát triển bền vững*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
27. Tiến sĩ Vũ Thế Khanh nói về chuyện “bùa ngải” trong showbiz Việt, tại: <http://www.nguoiduatin.vn/tien-si-vu-the-khanh-noi-ve-chuyen-bua-ngai-trong-showbiz-viet-a131654.html>

Abstract

USING AMULETS OF VIETNAMESE AT PRESENT

In Vietnam, almost races have been making and using amulets. Despite modern life along with the advancement of science and technology, but the amulets still play an important role in the life of individuals, families and communities, and they are considered as “health insurance cards” with functions such as psychological relief, avoiding risks, praying for peace and good luck. The author indicated that making and using of amulets in the proper way would bring psychological relief, a joy of life. In contrast, using of amulets in the wrong rule would not bring benefits; the users even encountered many consequences for themselves, their families and communities.

Keywords: Vietnamese, religion, using amulets.